TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BA số 58/2020/DS-ST
Ngày 27 / 8 / 2020
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng góp họ*"

NHÂN DANH
N□ ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa*: Ông Lê Văn Tám

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Danh Riêng

2. Ông Huỳnh Hoàng Nam

- *Th- ký Toà án ghi biên bản phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Cán bộ Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện G*: Không tham gia.

Trong ngày 27 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 168/2020/TLST-DS, ngày 16 tháng 6 năm 2020 về việc "*Tranh chấp hợp đồng góp họ*" theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 69/2020/QĐST-DS, ngày 07 tháng 8 năm 2020 giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà T, sinh năm: 1958 (có mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Kiên Giang

- *Bị đơn*: Chị L2, sinh năm: 1972 (có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã L3, huyện G, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà T như sau*: Do chỗ quen biết nên bà có tham gia chơi dây hụi ngày 5.000.000đồng/ngày, mở vào ngày 02 tháng 10 năm 2016, có 140 hụi viên tham gia, trong đó bà tham gia 5 chân, quá trình tham gia bà hốt chót 35.000.000đồng đã trừ tiền hoa hồng và bà có mua lại của chị L2 01 chân hụi 5.000.000đồng và tham gia 02 chân hụi 5.000.000đồng. Tổng cộng bà tham gia là 03 chân, 03 tháng xổ một lần, có 20 hụi viên tham gia. bà đóng được 10 lần thì hốt được số tiền 100.000.000đồng. Như vậy, tổng số tiền bà mua và chơi hụi là 150.000.000đồng, nhưng chị L2 chỉ giao cho bà có 30.000.000đồng, còn lại 120.000.000đồng chị L2 không trả với lý do là các hụi viên dựt hụi nên chị L2 không có tiền trả cho bà. Nay bà yêu cầu chị L2 phải trả cho bà 70.000.000đ (bảy chục triệu đồng) và cứ mỗi tháng trả 7.000.000đồng cho đến khi dứt nợ. Còn số tiền

50.000.000đồng bà đồng ý đợi khi nào bà T1 về sẽ giải quyết sau, bà không yêu cầu giải quyết trong vụ kiện này.

** Bị đơn chị L2 trình bày như sau*: Thừa nhận lời trình bày của bà T về quá trình tham gia chơi hụi do chị L2 làm chủ là đúng. Số tiền chị thiếu bà T là 120.000.000đồng, trong đó bà T đồng ý khất nợ sang cho bà T2 là 50.000.000đồng, còn hiện tại chị thiếu bà T 70.000.000đồng và xin trả dần mỗi tháng trả 1.000.000đồng cho đến khi dứt nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ- ợc thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án "*Tranh chấp về hợp đồng góp họ*" theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành lập biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự tự thỏa thuận với nhau về giải quyết vụ án nhưng không đem lại kết quả.

- Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự giữ nguyên yêu cầu.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Đây là giao dịch chơi hụi (họ). Theo đó thì các bên đã tham gia chơi hụi như lời trình bày của bà T và chị L2. Trong quá trình chơi hụi do có một số hụi viên không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ góp hụi nên phía chủ hụi mất cân đối về thu và giao nộp hụi lại cho các hụi viên khác trong dây hụi điều này đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khác theo quy định tại Điều 21 và Điều 22 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính Phủ quy định về Họ, Hụi, Biêu, Phường (gọi chung là họ) về lãi suất trong họ có lãi và lãi suất trong trường hợp chậm góp, chậm giao phần họ; Đồng thời theo quy định tại Điều 24 của Nghị định trên thì trường hợp đến kỳ mở họ mà có thành viên không góp phần họ hoặc góp phần họ không đầy đủ thì thành viên đó có trách nhiệm đối với chủ họ như sau:

- Hoàn trả số tiền mà chủ họ đã góp thay cho thành viên.

- Trả lãi đối với số tiền chậm góp họ theo quy định tại Điều 22 của Nghị định này.

- Chịu phạt vi phạm trong trường hợp những người tham gia dây họ có thỏa thuận phạt vi phạm theo quy định tại Điều 418 của Bộ luật dân sự.

- Bồi thường thiệt hại (nếu có).

Cụ thể như trong vụ kiện này, chị L2 thừa nhận còn nợ bà T 70.000.000đ (bảy chục triệu đồng).

Riêng đối với số tiền 50.000.000đồng mà bà T đồng ý đợi bà T1 về để giải quyết sau, bà không yêu cầu giải quyết trong vụ kiện này. Việc bà T rút lại một phần yêu cầu khởi kiện không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự, nghĩ nên ghi nhận.

Từ những phân tích trên, HĐXX xử buộc chị L2 phải có trách nhệm trả cho bà T số tiền 70.000.000đ (bảy chục triệu đồng)

Ngoài ra, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các đ- ơng sự, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 357 của Bộ luật dân sự, kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị L2 chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi t- ơng ứng đối với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về Mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án cụ thể như sau:

- Bà T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000đ (ba triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0003454, ngày 16 tháng 6 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Chị L2 phải chịu án phí có giá ngạch 5%: 70.000.000đ x 5% = 3.500.000đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; tại khoản 1 Điều 217; Điều 357 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật dân sự; Điều 21, Điều 22 và Điều 24 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính Phủ quy định về Họ, Hụi, Biêu, Phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về Mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T về việc "*Tranh chấp hợp đồng góp họ*" đối với chị L2.

2. Xử: Buộc chị L2 phải có trách nhệm trả cho bà T số tiền 70.000.000đ (bảy chục triệu đồng).

- Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị L2 chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi t- ơng ứng đối với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Xử: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà T đối với số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).

4. Án phí:

- Xử hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp là 3.000.000đ (ba triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0003454, ngày 16 tháng 6 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Xử buộc chị L2 phải chịu án phí có giá ngạch 5%: 70.000.000đ x 5% = 3.500.000đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng).

- Báo cho các đương sự đ- ợc biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 27 tháng 8 năm 2020.

Tr- ờng hợp bản án, quyết định đ- ợc thi hành theo quy định tại □iều 2 Luật thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ợc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án đ- ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh, huyện GR;
- Chi cục thi hành án GR;
- UBND xã, thị trấn;
- Đương sự;
- L- u hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

LÊ VĂN TÁM